

TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG HÀ NỘI
VIỆN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
BỘ MÔN TIN ỨNG DỤNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập- Tự Do- Hạnh Phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN ỨNG DỤNG TIN HỌC TRONG KẾ TOÁN

Hệ đào tạo: Đại học chính quy

Ngành: Công nghệ thông tin

(Ban hành theo QĐ số 291/QĐ-ĐHTNH ngày 30/6/2025 của Hiệu trưởng)

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: **ỨNG DỤNG TIN HỌC TRONG KẾ TOÁN**
- + Tiếng Anh: **Applied Informatics in Accounting**
- Mã học phần: DCT.02.15
- Số tín chỉ: 3
- Vị trí của học phần trong CTĐT

STT	Khối kiến thức	Loại hình	
		Bắt buộc	Tự chọn
1	Kiến thức giáo dục đại cương		
2	Kiến thức cơ sở khối ngành		
3	Kiến thức cơ sở ngành		
4	Kiến thức chuyên ngành	x	

- Học phần tiên quyết:

- Hệ quản trị CSDL SQL Server (Mã số DCT.02.11)
- Nguyên lý kế toán (Mã số DKT.01.20)
- Javascript và lập trình Web (Mã số DCT.02.37)

- Học phần song hành:

- Phân bổ giờ tín chỉ đối với các hoạt động:

Hoạt động trên lớp			Hoạt động khác
Lí thuyết (LT)	Bài tập, Thực hành, Thảo luận (BT, TH, TL)	Kiểm tra (KT)	(tự học, làm bài tập, nghiên cứu, trải nghiệm,...)
27	30	3	
60 tiết			

(01 giờ chuẩn = 1 tiết LT, Kiểm tra hoặc 2 tiết Bài tập, Thực hành, Thảo luận trên lớp)

- Khoa, Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Tin ứng dụng Viện CNTT

- Giảng viên phụ trách học phần (dự kiến):

1) Họ và tên: ThS. Vũ Minh Tâm

Chức danh: giảng viên

Thông tin liên hệ: ĐT: 0847242752; Email: yuminhtam@fbu.edu.vn

2) Họ và tên: TS. Phùng Văn Ôn

Chức danh: Giảng viên chính

Thông tin liên hệ: ĐT: 0913243623; Email: onphungvan@gmail.com

2. Mô tả học phần

Học phần gồm các nội dung chính sau: Tổng quan về ứng dụng tin học trong Kế toán; một số nghiệp vụ chính của kế toán doanh nghiệp; tiếp cận hướng đối tượng và ngôn ngữ mô hình hóa thống nhất; phương pháp phát triển ứng dụng tin học trong kế toán; phân tích thiết kế hệ thống thông Kế toán bán hàng và công nợ phải thi.

3. Mục tiêu của học phần:

Mục tiêu học phần	Mô tả mục tiêu học phần
PSO 1.1	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các nghiệp vụ kế toán trong doanh nghiệp; phương pháp và kỹ thuật phân tích, thiết kế để phát triển ứng dụng tin học trong các nghiệp vụ kế toán doanh nghiệp.
PSO 2.1	Rèn luyện cho sinh viên kỹ năng xây dựng phần mềm trong các nghiệp vụ của kế toán doanh nghiệp theo tiếp cận hướng đối tượng
PSO 3.1	Giúp sinh viên có khả năng làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

4. Chuẩn đầu ra của học phần - CLO (Course Learning Outcomes)

Mục tiêu học phần ^[9]	CDR học phần ^[11]	Mô tả chuẩn đầu ra học phần ^[12] <i>Hoàn thành học phần này, người học thực hiện được:</i>	CDR của CTĐT ^[13]	Mức độ ^[14]
<i>CDR về kiến thức:</i>				
PSO 1.1	CLO 1.1	Vận dụng được kiến thức kiến để xây dựng phần mềm trong lĩnh vực kế toán cho doanh nghiệp	PLO 1.2	3
<i>CDR về kỹ năng:</i>				
PSO 2.1	CLO 2.1	Xây dựng được phần mềm ứng dụng trong lĩnh vực Kế toán	PLO 2.4	3
	CLO 2.2	Phản biện được các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực Kế toán	PLO 2.6	3
<i>CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm:</i>				
PSO 3.1	CLO 3.1	Có năng lực tự chủ, khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm đối với nhóm	PLO 3.2	3

Mức độ đóng góp theo thang Bloom.

5. Học liệu:

5.1. Tài liệu chính:

[1]. Vũ Minh Tâm, Phùng Văn Ôn, Bùi Văn Công (2022), *Giá trình ứng dụng tin học trong kế toán*. Trường Đại học Tài chính – Ngân hàng Hà Nội.

5.2. Tài liệu tham khảo:

[1]. Trần Minh Tùng, Trần Thanh San (2014), *Hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server*, ĐH Tài chính – Marketing.

[2]. Roy Miller (2013, Bản dịch), *Nhập môn lập trình Java*. IBM

6. Phương pháp dạy và học áp dụng cho học phần

STT	CDR	Phương pháp dạy học
1	CLO 1.1: Vận dụng được kiến thức kiến để xây dựng phần mềm trong lĩnh vực kế toán cho doanh nghiệp	1. Thuyết trình tích cực: Áp dụng cho các nội dung kiến thức lý thuyết của các học phần.
		2. Hướng dẫn học tập cộng tác: Thiết kế các hoạt động học tập yêu cầu sinh viên làm việc nhóm với phân công vai trò rõ ràng và phản hồi thường xuyên.
		3. Tích hợp công nghệ trong giảng dạy: Sử dụng các phần mềm trình diễn, các phương tiện trình chiếu, các công cụ minh họa và hệ thống quản lý học tập để tăng hiệu quả truyền đạt của giảng viên và tiếp thu kiến thức của sinh viên.
		4. Hướng dẫn tự học
2	1. CLO 2.1: Xây dựng được phần mềm ứng dụng trong lĩnh vực Kế toán	1. Dạy thực hành: Hướng dẫn sinh viên thực hiện bài tập thực hành theo nhóm để trau dồi kỹ năng, củng cố kiến thức, qua đó hình thành, phát triển các năng lực của người học.
	3. CLO 2.2: Phân biện được các giải pháp ứng dụng trong lĩnh vực Kế toán	2. Học theo dự án: Thiết kế các dự án học tập liên quan đến vấn đề thực tiễn, yêu cầu sinh viên vận dụng kiến thức đa lĩnh vực để thực hiện. Ví dụ: Xây dựng Website thương mại điện tử bán hàng cho một doanh nghiệp quy mô nhỏ.
3	1. CLO 3.1: Có năng lực tự chủ, khả năng làm việc độc lập và làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm đối với nhóm	3. Hướng dẫn học tập cộng tác: Thiết kế các hoạt động học tập yêu cầu sinh viên làm việc nhóm với phân công vai trò rõ ràng và phản hồi thường xuyên.
		2. Hướng dẫn học tập cộng tác: Thiết kế các hoạt động học tập yêu cầu sinh viên làm việc nhóm với phân công vai trò rõ ràng và phản hồi thường xuyên.

		❖ Phương pháp khác
--	--	--------------------

7. Nội dung chi tiết học phần (Kế hoạch giảng dạy):

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Số tiết			CLOs	Nhiệm vụ của SV
		LT	BT, TL	KT		
Bài 1	+ Giới thiệu đề cương chi tiết học phần + CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ ỨNG DỤNG TIN HỌC TRONG KẾ TOÁN 1.1. Khái quát về kế toán 1.1.1. Định nghĩa 1.1.2. Chức năng của kế toán 1.1.3. Hệ thống thông tin kế toán 1.2. Sự cần thiết ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán 1.2.1. Vai trò của ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán 1.2.2. Các mức ứng dụng của công nghệ thông tin trong kế toán 1.2.3. Lợi ích của ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán * Cuối buổi học sẽ phân nhóm làm Bài tập lớn	2	1		CLO1.1 CLO 3.1	Nghiên cứu chương 1 giáo trình và làm Bài tập theo hướng dẫn của GV (4,5 tiết)
Bài 2	1.3. Một số ứng dụng tin học trong kế toán 1.3.1. Phần mềm kế toán MISA 1.3.2. Phần mềm kế toán FAST	2	1		CLO1.1 CLO 3.1	Nghiên cứu chương 1 giáo trình và làm Bài tập theo hướng dẫn của GV (4,5 tiết)
Bài 3	CHƯƠNG 2. MỘT SỐ NGHIỆP VỤ CHÍNH CỦA KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP 34 2.1. Nghiệp vụ Kế toán mua hàng và công nợ phải trả 2.1.1. Khái niệm 2.1.2. Nhiệm vụ 2.1.3. Nguyên tắc hoạch toán 2.1.4. Mô hình hóa hoạt động 2.1.5. Sơ đồ hoạch toán 2.2. Nghiệp vụ Kế toán bán hàng và công nợ phải thu 2.2.1. Khái niệm 2.2.2. Nhiệm vụ	2	1		CLO1.1	Nghiên cứu chương 2 giáo trình và làm Bài tập theo hướng dẫn của GV (4,5 tiết)

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Số tiết			CLOs	Nhiệm vụ của SV
		LT	BT, TL	KT		
	2.2.3. Nguyên tắc hoạch toán 2.2.4. Mô hình hóa hoạt động 2.2.5. Sơ đồ hoạch toán					
Bài 4	2.3. Nghiệp vụ Kế toán vốn bằng tiền 2.3.1. Khái niệm 2.3.2. Nhiệm vụ 2.3.3. Nguyên tắc hoạch toán 2.3.4. Mô hình hóa hoạt động 2.3.5. Sơ đồ hoạch toán 2.4. Nghiệp vụ Kế toán vật tư 2.4.1. Khái niệm 2.4.2. Nhiệm vụ 2.4.3. Nguyên tắc hoạch toán 2.4.4. Mô hình hóa hoạt động 2.4.5. Sơ đồ hoạch toán 2.5. Nghiệp vụ Kế toán tài sản cố định 2.5.1. Các khái niệm 2.5.2. Nhiệm vụ 2.5.3. Nguyên tắc hoạch toán 2.5.4. Mô hình hóa hoạt động 2.5.5. Sơ đồ hoạch toán	2	1		CLO1.1 CLO 3.1	Nghiên cứu chương 2 giáo trình và làm Bài tập theo hướng dẫn của GV (4,5 tiết)
Bài 5	2.6. Nghiệp vụ Kế toán tiền lương 2.6.1. Khái niệm 2.6.2. Nhiệm vụ 2.6.3. Nguyên tắc hoạch toán 2.6.4. Mô hình hóa hoạt động 2.6.5. Sơ đồ hoạch toán 2.7. Nghiệp vụ Kế toán thuế 2.7.1. Khái niệm 2.7.2. Nhiệm vụ 2.7.3. Nguyên tắc hoạch toán 2.7.4. Mô hình hóa hoạt động 2.7.5. Sơ đồ hoạch toán 2.8. Nghiệp vụ Kế toán tổng hợp và báo cáo tài chính 2.8.1. Khái niệm	2	1		CLO1.1 CLO 3.1	Nghiên cứu chương 2 giáo trình và làm Bài tập theo hướng dẫn của GV (4,5 tiết)

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Số tiết			CLOs	Nhiệm vụ của SV
		LT	BT, TL	KT		
	2.8.2. Nhiệm vụ 2.8.3. Mô hình hóa hoạt động 2.8.4. Sơ đồ hoạch toán					
Bài 6	CHƯƠNG 3. TIẾP CẬN HƯỚNG ĐỐI TƯỢNG VÀ NGÔN NGỮ MÔ HÌNH HÓA THỐNG NHẤT 3.1. Ngôn ngữ mô hình hóa thống nhất 3.1.1. Giới thiệu chung 3.1.2. Kiến trúc hệ thống phần mềm trong UML 3.1.3. Các thành phần cơ bản của UML	1	2		CLO1.1 CLO 2.1 CLO 3.1	Nghiên cứu chương 3 giáo trình và làm Bài tập theo hướng dẫn của GV (4,5 tiết)
Bài 7	3.2. Tiếp cận hướng đối tượng trong phát triển ứng dụng tin học 3.2.1. Các khái niệm 3.2.1.1. Hệ thống thông tin, phần mềm ứng dụng 3.2.1.2. Đối tượng, lớp 3.2.1.3. Tiếp cận phân tích, thiết kế hướng đối tượng 3.2.2. Quy trình phát triển ứng dụng 3.2.2.1. Giới thiệu chung 3.2.2.2. Quy trình thác nước 3.2.2.3. Quy trình hợp nhất RUP 3.2.3. Tiến trình hướng đối tượng trong phát triển hệ thống	1	2		CLO1.1 CLO 2.1 CLO 3.1	Nghiên cứu chương 3 giáo trình và làm Bài tập theo hướng dẫn của GV (4,5 tiết)
Bài 8	CHƯƠNG 4. PHƯƠNG PHÁP PHÁT TRIỂN ỨNG DỤNG TIN HỌC TRONG KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP 4.1. Khái quát 4.2. Nghiên cứu, khảo sát xác định yêu cầu 4.2.1. Mục đích 4.2.2. Nội dung, quy trình, phương pháp tiếp cận và các giai đoạn thực hiện	2	1		CLO1.1 CLO 2.1 CLO 2.2	Nghiên cứu chương 4 giáo trình và làm Bài tập theo hướng dẫn của GV (4,5 tiết)

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Số tiết			CLOs	Nhiệm vụ của SV
		LT	BT, TL	KT		
	4.2.3. Phương pháp thực hiện 4.2.4. Ví dụ minh họa 4.3. Phân tích yêu cầu nghiệp vụ 4.3.1. Khái niệm chung 4.3.2. Xác định các tác nhân và mô hình hóa môi trường hệ thống 4.3.3. Xác định các yêu cầu nghiệp vụ chính và lập biểu đồ UC tổng quát 4.3.4. Phân rã các yêu cầu nghiệp vụ 4.3.5. Đặc tả Ca sử dụng					
Bài 9	- Báo cáo Bài tập lớn lần 1 và thảo luận - Kiểm tra giữa kỳ (1 tiết)		2	1	CLO2.1 CLO2.2 CLO 3.1	Làm bài tập lớn và chuẩn bị báo cáo (4,5 tiết)
Bài 10	4.4. Phân tích cấu trúc hệ thống 4.4.1. Khái niệm chung 4.4.2. Xác định các lớp đối tượng thực thể 4.4.3. Xây dựng biểu đồ lớp phân tích	2	1		CLO1.1 CLO 2.1	Nghiên cứu chương 4 giáo trình và làm Bài tập theo hướng dẫn của GV (4,5 tiết)
Bài 11	4.5. Phân tích hành vi hệ thống 4.5.1. Khái niệm chung 4.5.2. Phân tích sự tương tác giữa các lớp đối tượng tham gia Ca sử dụng 4.5.3. Phân tích sự ứng xử của đối tượng 4.5.4. Phân tích hành vi khác của hệ thống 4.6. Thiết kế chi tiết các lớp đối tượng 4.6.1. Khái quát 4.6.2. Thiết kế chi tiết các lớp 4.6.3. Thiết kế bổ sung, hoàn thiện các thuộc tính 4.6.4. Bổ sung, hoàn thiện các phương thức 4.6.5. Thiết kế một số phương thức phức tạp	2	1		CLO1.1 CLO 2.1	Nghiên cứu chương 4 giáo trình và làm Bài tập theo hướng dẫn của GV (4,5 tiết)

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Số tiết			CLOs	Nhiệm vụ của SV
		LT	BT, TL	KT		
Bài 12	4.7. Thiết kế lưu trữ 4.7.1. Mục đích 4.7.2. Lựa chọn cách lưu trữ 4.8. Thiết kế giao diện người dùng 4.8.1. Khái niệm 4.8.2. Nguyên tắc thiết kế giao diện người dùng 4.8.3. Phương pháp thiết kế giao diện người dùng	2	1		CLO1.1 CLO2.1	Nghiên cứu chương 4 giáo trình và làm Bài tập theo hướng dẫn của GV (4,5 tiết)
Bài 13	4.9. Thiết kế biểu đồ thành phần 4.9.1. Khái quát 4.9.2. Thiết kế biểu đồ thành phần 4.10. Thiết kế biểu đồ triển khai 4.10.1. Khái quát 4.10.2. Thiết kế biểu đồ triển khai 4.11. Công cụ phát triển + Thảo luận	2	1		CLO 1.1 CLO 2.1 CLO 3.1	Nghiên cứu chương 4 giáo trình và làm Bài tập theo hướng dẫn của GV (4,5 tiết)
Bài 14	Báo cáo kết quả Bài tập lớn đợt 2 và thảo luận Bài kiểm tra giữa kỳ (1 tiết)		2	1	CLO1.1 CLO2.1 CLO 2.2 CLO 3.1	Làm Bài tập lớn và chuẩn bị báo cáo (4,5 tiết)
Bài 15 + 16	CHƯƠNG 5. PHÂN TÍCH THIẾT KẾ HỆ THỐNG KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ CÔNG NỢ PHẢI THU 5.1. Phân tích các yêu cầu nghiệp vụ 5.1.1. Xác định các tác nhân và mô hình hóa môi trường hệ thống 5.1.2. Xác định các yêu cầu nghiệp vụ chính và lập biểu đồ UC tổng quát 5.1.3. Phân tích và xây dựng kịch bản của các UC 5.1.4. Phân tích cấu trúc hệ thống 5.1.5. Mô hình hóa sự tương tác giữa các đối tượng tham gia một UC 5.2. Thiết kế chi tiết lớp	2	4		CLO 1.1 CLO2.1 CLO3.1	Nghiên cứu chương 5 giáo trình và làm Bài tập theo hướng dẫn của GV (4,5 tiết)

Bài dạy	Nội dung giảng dạy	Số tiết			CLOs	Nhiệm vụ của SV
		LT	BT, TL	KT		
Bài 17+18	5.3. Thiết kế lưu trữ 5.4. Thiết kế giao diện 5.4.1. Nguyên tắc chung 5.4.2. Thiết kế các giao diện chính 5.5. Thiết kế triển khai 5.5.1. Thiết kế mô hình thành phần 5.5.2. Thiết kế mô hình vật lý – biểu đồ triển khai	2	4		CLO 1.1 CLO2.1 CLO3.1	Nghiên cứu chương 5 giáo trình và làm Bài tập theo hướng dẫn của GV (4,5 tiết)
Bài 19	- Báo cáo kết quả Bài tập lớn đợt 3 và thảo luận - Đánh giá BTL lấy điểm kiểm tra		2	1	CLO 1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	Làm Bài tập lớn và chuẩn bị báo cáo (4,5 tiết)
Bài 20	- Tổng kết kiến thức học phần. Nhận xét và rút kinh nghiệm từ Bài tập lớn và thảo luận - Tổng kết học phần và công bố kết quả học tập của cả lớp	1	2		CLO 1.1 CLO2.1 CLO2.2 CLO3.1	Nghiên cứu giáo trình (4,5 tiết)
	Tổng cộng (số tiết)	27	30	3		90

8. Nhiệm vụ của người học

- Tham dự giờ lên lớp: Tối thiểu 80% số tiết học trên lớp, trong phòng thực hành có sự giảng dạy, hướng dẫn trực tiếp của giáo viên;
- Bài tập, thảo luận:
 - + Đọc tài liệu, chuẩn bị và tham gia thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên;
 - + Thực hiện đầy đủ các bài tập được giao;
- Làm bài kiểm tra định kỳ;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương pháp, hình thức đánh giá

Thành phần đánh giá	Trọng số (%)	Phương pháp đánh giá	Công cụ đánh giá	CLO	Trọng số CLO (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Đánh giá chuyên cần	10	Quan sát có cấu trúc: Quan sát và ghi nhận quá trình học	Rubric	CLO 3.1	100%

		tập của sinh viên về tham dự các buổi học, tinh thần, thái độ học tập, chất lượng bài làm tại buổi học			
Đánh giá quá trình					
02 bài kiểm tra 1 tiết	30	Đánh giá kết hợp: Kết hợp các hình thức đánh giá như trắc nghiệm khách quan, tự luận và bài thực hành trên máy.	Rubric	CLO1.1, CLO2.1	40% 60%
01 đánh giá theo Bài tập lớn		Đánh giá Bài tập lớn: Đánh giá thông qua bài tập lớn mô phỏng thực tế	Rubric	CLO2.1, CLO2.2, CLO 3.1	60% 20% 20%
Đánh giá kết thúc					
Đánh giá qua báo cáo bài tập lớn và chương trình	60	Đánh giá kết hợp: Kết hợp hình thức đánh giá qua báo cáo bài tập lớn và chương trình nghiệp vụ	Rubric	CLO 2.1 CLO 2.2 CLO 3.1	60% 20% 20%

9.3. Các Rubric đánh giá kết quả học tập

9.3.1 Rubric đánh giá chuyên cần

Tiêu chí đánh giá	Mức chất lượng	Thang điểm
- Tham gia học tập hoặc các hoạt động từ 80% thời gian - Thực hiện công việc đúng tiến độ với chất lượng tốt - Tham gia tích cực các hoạt động của doanh nghiệp - Ý thức, thái độ học tập và chấp hành quy định của trường tốt và được đánh giá cao	Mức A (Vượt quá mong đợi)	8,5 - 10
- Tham gia học tập hoặc các hoạt động từ 80% thời gian - Thực hiện công việc được giao đúng tiến độ nhưng chất lượng còn một số hạn chế - Tham gia tích cực các hoạt động của lớp - Ý thức, thái độ thực tập và chấp hành quy định của trường tốt	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	7,0 - 8,4

- Tham gia học tập hoặc các hoạt động từ 80% thời gian - Thực hiện công việc đúng tiến độ nhưng chất lượng công việc còn nhiều hạn chế nhưng sửa chữa kịp thời theo hướng dẫn của giáo viên - Chưa tích cực tham gia các hoạt động của doanh nghiệp - Ý thức, thái độ thực tập và chấp hành quy định của trường chưa cao	Mức C (Đạt, song cần cải thiện)	5,5 - 6,9
- Tham gia học tập hoặc các hoạt động dưới 80% thời gian - Thực hiện công việc không đúng tiến độ, chất lượng công việc không đáp ứng yêu cầu - Chưa tích cực tham gia các hoạt động của doanh nghiệp - Ý thức, thái độ thực tập và chấp hành quy định của trường không tốt.	Mức D (Chưa đạt)	4,0 - 5,4

9.3.2 Rubric đánh giá bài kiểm tra tự luận trong kỳ và thi tự luận hết học phần

Tiêu chí đánh giá của từng câu hỏi trong đề thi	Mức chất lượng	Thang điểm
- Nội dung đủ, trả lời đúng 100% câu hỏi. - Trình bày rõ ràng, diễn đạt ngắn gọn, súc tích, logic. - Mắc 1-2 lỗi về thuật ngữ chuyên môn. - Còn vài lỗi chính tả.	Mức A (Vượt quá mong đợi)	85 - 100
- Trả lời đúng 70-80% câu hỏi. - Trình bày rõ ràng, diễn đạt logic. - Mắc ít lỗi (3-5) lỗi về thuật ngữ chuyên môn. - Có khá nhiều lỗi chính tả.	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	70 - 84
- Trả lời đúng 50-60% câu hỏi. - Trình bày không rõ ý, chưa logic. - Mắc lỗi về thuật ngữ chuyên môn (trên 5 lỗi). - Nhiều lỗi chính tả.	Mức C (Đạt)	55 - 69
- Trả lời đúng 40-50% câu hỏi. - Không làm hết câu hỏi, bỏ nội dung hơn 60%. - Trình bày tối nghĩa, diễn đạt không rõ ý.	Mức D (Đạt, song cần cải thiện)	40 - 54

- Mắc nhiều lỗi về thuật ngữ chuyên môn.		
- Nhiều lỗi chính tả.		
- Các trường hợp còn lại	Mức F (Không đạt)	Dưới 40

9.3.3 Các Rubric đánh giá bài tập lớn

Tiêu chí đánh giá	Mức chất lượng	Thang điểm
- Thực hiện đầy đủ và xuất sắc yêu cầu của Bài tập lớn - Khảo sát và đặc tả yêu cầu nghiệp vụ tốt - Phân tích, thiết kế tốt - Bố cục rõ ràng, cấu trúc phù hợp, văn phong khoa học - Trình bày Bài tập lớn (phần nhiệm vụ được giao) rõ ràng, diễn đạt logic. - Trả lời được tất cả các câu hỏi của Giảng viên	Mức A (Vượt quá mong đợi)	8,5 - 10
- Thực hiện đầy đủ yêu cầu của Bài tập lớn - Khảo sát và đặc tả yêu cầu nghiệp vụ đầy đủ - Phân tích, thiết kế tốt - Bố cục rõ ràng, cấu trúc phù hợp, văn phong khoa học - Trình bày Bài tập lớn (phần nhiệm vụ được giao) rõ ràng, diễn đạt logic. - Trả lời đúng 70-80% câu hỏi của GV.	Mức B (Đáp ứng được mong đợi)	7,0 - 8,4
- Thực hiện hầu hết yêu cầu của Bài tập lớn - Khảo sát và đặc tả yêu cầu nghiệp vụ đầy đủ - Phân tích, thiết kế còn có một số sai sót. - Cấu trúc Báo cáo chưa thật phù hợp - Trình bày Bài tập lớn (phần nhiệm vụ được giao) còn lúng túng. - Trả lời đúng 50-60% câu hỏi của GV.	Mức C (Đạt, song cần cải thiện)	5,5 - 6,9
- Thực hiện được ít yêu cầu của Bài tập lớn - Khảo sát và đặc tả yêu cầu nghiệp vụ sơ sài, còn thiếu và nhiều sai sót. - Phân tích, thiết kế không tốt, có nhiều lỗi.	Mức D (Chưa đạt)	4,0 - 5,4

- Trình bày Bài tập lớn (phần nhiệm vụ được giao) còn lúng túng, chưa hiểu hết các nhiệm vụ được giao. - Trả lời đúng 30-40% câu hỏi của GV.		
--	--	--

Viện trưởng

Trưởng Bộ môn

Người soạn đề cương

TS. Phùng Văn Ôn

ThS. Vũ Minh Tâm

ThS. Vũ Minh Tâm